

# CÂU-XÁ LUẬN SỚ

## QUYỂN 27

### *Phẩm 7: PHÂN BIỆT TRÍ* (Phần 2)

#### *1. Nói về đức do trí thành:*

Đã nói như thế cho đến nay sẽ hiển bày: Trở xuống là toàn văn của phẩm này, thứ hai là nói đức do Trí thành trong đó có hai bất cộng và cộng, trong đó trước nói đức bất cộng của Phật, dưới đây có nửa hàng tụng nói về mười tám pháp bất cộng, Luận chép: Cho đến gọi là bất cộng: Là giải thích tên bất cộng, lời văn rất dễ hiểu. Khác nhau về sự tướng của mười lực của Phật là gì? Trở xuống là giải thích, trong đó có năm đó là lực, vô úy niệm trụ, đại bi và Phật đồng khác. Về lực có trí lực và thân lực, dưới đây là hai hàng rưỡi tụng, là thứ nhất nói về trí lực. Luận chép: cho đến mười trí là tánh, là giải thích sơ lược, trong đó có hai: Là xuất lực thể tánh và phân biệt nghĩa môn, ở đây nêu thể.

Luận Chánh Lý chép: vì sao gọi là lực, trong kinh Phật nói rằng: “Bí-sô lắng nghe! Như Lai đối với xứ như thật biết về xứ, Như Lai đối với phi xứ như thật biết phi xứ, cho đến nói rộng. Biết công năng tự tánh của tất cả pháp đúng lý chắc chắn là có gọi là xứ trí, biết công năng tự tánh của tất cả pháp lý chắc chắn chẳng thật có, gọi là phi xứ trí. Trí này duyên cả cảnh tình, phi tình, tất cả trí đều không trái nhau sợ rằng nói đại khái ít công khó ngộ. Trong đây lại chia thành chín loại, như trong kinh Bạc-già-phạm-đa Giới tự rộng về phân biệt xứ, phi xứ nghĩa các hành vi ác của thân v.v... cảm quả phi ái chắc chắn có việc ấy, cảm quả đáng ưa chắc chắn không có việc ấy cho đến nói rộng.

Y theo văn luận trên thì tất cả ứng lý, sự là gọi xứ, không ứng lý gọi phi xứ, chẳng lẽ không có xứ trí mà biết là phi xứ, các phi xứ trí cũng đã biết, nhọc gì nói cả xứ, phi xứ, tuy thật đúng lý như thế, mà song thuyết vì muốn ngăn dứt Vô nhân luận gọi là danh xưng xứ, vì muốn ngăn dứt ác nhân luận, nói tên phi xứ, y một trí thể đều nói không

có lỗi, đâu biết trong một xứ, phi xứ lực, sợ lược khó hiểu nên chia nhỏ thành chín lực. Vì ngoài ra đều có nghĩa lực này. Nghĩa là biết như thật hạnh ác chiêu cảm quả dị thực đáng ưa, hạnh tốt chiêu cảm quả dị thực phi ái, chắc chắn không có việc ấy trái lại thì chắc chắn có việc ấy v.v... cho đến, lại như thật biết phi lý tác ý năng đắc lậu tận hẳn không có việc đó trái lại thì chắc chắn có việc đó, ta đối với mỗi lực như thế lược nêu phương góc hiển xứ, phi xứ, hoặc cùng tột việc kia ngôn luận không cùng, nên lẽ ra đều gọi là xứ lực, phi xứ lực, sợ sơ lược khó hiểu nên đặt riêng tên khác. Như trên là văn luận. Hai nghiệp ý thuần thực cho đến trừ diệt đạo, là nêu ra thể của lực thứ hai. Luận Chánh Lý thì khéo phân biệt loại nghiệp như thế chiêu cảm các loại quả dị thực như thế, trí vô quái ngại gọi là nghiệp dị thực trí lực cảm nhận nghiệp lực đã tạo, chẳng phải vợ con có thể cho và đoạt, loại nghiệp như thế chắc chắn chiêu cảm tự quả, không thể dời đổi, không ngăn ngại trí gọi là nghiệp trí lực.

## **2. Nêu ra thể của bốn lực:**

Ba Tĩnh lực giải thoát cho đến gọi là trừ diệt trí là nêu thể của bốn lực. Luận Chánh Lý chép: Biết đúng như thật, tự tánh của các Tĩnh lực v.v... gọi là được phương tiện, nhiếp trì, vị, tịnh, vô lậu, thuận thối, trụ tiến, phần quyết trạch v.v... không ngăn ngại trí gọi Tĩnh lực trí lực, Phật tự nói tướng của lực này “Bí-sô lắng nghe! Phật đối với Tĩnh lực, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí, tạp nhiệm thanh tịnh an lập đều biết như thật trí, cho đến nói rộng. Tạp nhiệm có công năm làm chướng việc chứng đắc Tĩnh lực, thanh tịnh là các pháp này thanh tịnh, pháp trụ gọi là an lập Tĩnh lực, thanh tịnh là các pháp thanh tịnh, pháp trụ gọi là an lập, cho đến nói rộng. Hoặc biết như thật các loài hữu tình năng đạt thắng đức căn phẩm khác nhau, không ngăn ngại trí gọi là căn trên dưới trí lực. Tuy có trung căn mà đối đãi hơn kém, là thuộc hơn kém nên không nói riêng.

Trung căn này gọi pháp gì? Đó gọi là Tín v.v... người dứt gốc lành đều ở trong nối tiếp, cũng có pháp thiện khứ lai như tín v.v... hoặc gọi là ý v.v... hoặc biết như thật các loại hữu tình Ý lạc khác nhau, không ngăn ngại trí gọi là chủng chủng thắng giải trí lực, cho đến ý lạc thắng giải gọi là khác nhau. Hoặc biết như thật các loại hữu tình đời trước từ vô thủy thường huân tập thành, chí tánh, tùy miên và các pháp tánh nhiều loại khác nhau, trí vô quái ngại gọi là chủng chủng giới trí lực. Chủng chủng giới hiển bày nghĩa đều khác nhau, chẳng phải một giới nói lên, nhiều nghĩa. Nên biết giới trong đây và chí tánh tùy miên pháp tánh gọi

là khác nhau. Bốn lực như thế đều duyên hữu vi, cho nên trong mười trí chỉ thuộc chín trí, (như trên là văn luận).

Bảy biến thú hành cho đến mười trí là tánh, là giải thích thứ bảy. Luận Chánh Lý chép: Biết đúng như thật nhân quả sinh tử và biết tận đạo, trí vô quái ngại gọi biến thú hành trí lực. Ý này nói lên Phật có khả năng biết đúng như thật hành đến sinh tử, hành cho đến Niết-bàn. Trong đường sinh tử có đường địa ngục, cho đến tầng trời, trong mỗi đường lại có nhiều loại đường, Niết-bàn hành có ba thừa biệt thú, trong mỗi thú lại có nhiều loại. Ý chung nói tên một biến thú hành. (Như trên là văn luận) tám túc trụ tùy niệm cho đến đều là tục trí tánh. Luận Chánh Lý chép: Biết đúng như thật tự tha quá khứ túc trụ khác nhau, trí không ngăn ngại gọi lực thứ tám. Hoặc biết như thật các loài hữu tình ở đời vị lai, các cõi liên tục sinh, trí vô quái ngại gọi là lực thứ chín, nói rộng hai thứ trí này đầy đủ như trong sáu thông. Như trên là văn luận. Mười lậu tận cho đến mười trí là tánh. Luận Chánh Lý chép: Lý ứng như thế do trong phần nói về tướng thì với tận và vì tận trí không ngăn ngại, hai thứ đều gọi lậu tận trí lực. Lại Phật tự nói lực tướng này rằng: Bí-sô lắng nghe! Phật đã hết lậu, với các vô lậu tâm tuệ giải thoát tự hiển thông đạt cụ chứng lãnh thọ, có thể tự biết sanh tử của mình đã hết, cho đến nói rộng, ba lực sau này, tức là ba thông, do trong sáu thông thì ba thông này thù thắng, ở địa vị Vô học lập ba minh, tại thân Như Lai cũng gọi là lực, thần cảnh thiên nhĩ. Nếu ở thân Phật cũng không có đại dụng nên không gọi là lực, vả lại như thiên nhĩ có thể thấy quả dị thực khác nhau trong đường thiện ác của các hữu tình, do có công năng dẫn sinh trí thù thắng, cũng chánh là rõ biết có thể chiêu cảm nghiệp kia, vì thế gọi là trí sinh tử, thần cảnh thiên nhĩ không có đại dụng này, do vậy hai pháp ấy không xếp vào lực, nhưng không nói riêng tha tâm lực. Nghĩa đã bao gồm trong lực của căn... do trong căn khác có tâm, tâm sở, Bạc-già-phạm có Nhất thiết trí. Hai luận bình đẳng cũng được tự tại, mà với Phật sự đều thành tựu, ngoài ra các trí không có thắng dụng riêng, do vậy tuy có cũng không nói riêng, chỉ y giác biết khắp mười loại sở tri, vì sở ứng của Phật đều tròn đầy. Nghĩa là trong các pháp nhân chẳng phải nhân, phần nhiều phân tán địa nghiệp quả khác nhau, định địa công đức phẩm loại khác nhau. Hữu tình được hóa độ có căn, giải, giới khác nhau, nhân quả năng trị sở khác nhau, trải qua mé trước mé sau khác nhau, lìa nhiễm không liên tục, phương tiện có khác. Chỉ nhờ giác biết Phật sự này đã thành tựu, ngoài ra giả lập có, không đưa đến, lợi ích hay tổn hại, nên chỉ có mười loại được gọi là lực.

### **3. Nói rộng về nghĩa môn:**

Lại Phật quán sát cho đến trí thứ mười quán chúng sanh sở hóa chứng phương tiện giải thoát có khác, theo văn luận này trí lậu tận biết hữu tình, được hóa độ gồm phương tiện lậu tận gọi là lậu tận lực. Đã nói tự tánh cho đến gọi là Thập Nhất địa, trở xuống là thứ hai nói rộng về nghĩa môn có ba: Y địa, y thân, giải thích danh nghĩa. Đầu tiên là y địa khác nhau, vì năm thông chỉ y bốn căn bản, do đây thứ tám, thứ chín nương tứ thiền, vẫn còn lại dễ hiểu không nhọc giải thích. Đã nói y địa cho đến thân Phật người nam trở xuống là thứ hai nói về y thân.

Chỉ có thân Phật người nam ở châu Thiệm-bộ phía Nam có thể làm năng lực sở y, nên luận Bà-sa quyển ba mươi nói niệm trụ có nhiều loại thắng giải trí lực, tức trụ tùy niệm trí lực có pháp niệm trụ. Hoặc sinh tử trí lực chỉ có thân niệm trụ, lậu tận trí lực hoặc duyên cảnh lậu tận là pháp niệm trụ hoặc y thân lậu tận là bốn niệm trụ, các năng lực còn lại đều có bốn niệm trụ.

Trình bày nhiều thứ thắng giải trí lực, nhưng không có tạp duyên, vì pháp niệm trụ chỉ duyên thắng giải. Tức trụ niệm trí lực, chỉ tạp duyên vì pháp niệm trụ duyên pháp chung. Sinh tử trí lực, hoặc căn bản, chỉ có thân niệm trụ, hoặc quyển thuộc duyên tạp duyên pháp niệm trụ ở vị lai. Nói thân niệm trụ thuyết căn bản, còn các lực có cả duyên chung riêng nên có cả bốn niệm trụ, vẫn còn lại rất dễ hiểu. Đã nói y thân, vì sao gọi là Lực? Cho đến gọi là Lực, trở xuống là thứ ba giải thích nghĩa của năng lực. Nói vô ngại là không biết chướng ngại, vì khuất phục trí Phật làm cho không biết gọi là lực, do mười lực này sinh tử nhiều ít, phân biệt Nhị thừa v.v... chẳng thuộc về lực. Như ngài Xá-lợi-tử xả bỏ người cầu xin xuất gia, thuở xưa lúc Đức Phật còn tại thế, có người tên là Thệ Đa Thủ xin xuất gia, Xá-lợi tử v.v... quán biết người này từ tám muôn kiếp cho đến nay chưa trồng nhân lành giải thoát phần. Vì không có nhân duyên xuất gia nên bỏ qua không độ người kia buồn than xin xuất gia mà không được. Sau đó, Đức Phật cho đến gặp và độ cho xuất gia đồng thời nói pháp cho ông nghe, được chứng quả. Xá-lợi-tử lấy làm lạ thưa hỏi, Phật dạy:

### **4. Phật kể lại bốn sự:**

a. Bốn sự một: Thuở quá khứ ta ở nước Na-già là yết cùng người nước này rưới quét các phố xá sạch đẹp các thứ trang nghiêm đầy đủ, muốn thỉnh Đức Như Lai Định Quang đến cúng dường. Lúc đó, người xin xuất gia ấy vào thành bán củi, do đó biết việc này bèn phát nguyện ta càng phải kiếm củi để lấy tiền cúng dường, rồi ông lên núi để đốn

củi không may bị thú ăn thịt. Lúc sắp chết, ông muốn xưng danh hiệu Đức Phật kia nhưng quên không nhớ bèn đọc “Kính lễ người định đón rước vào thành” lời phát nguyện này được gọi là gieo trồng thuận giải thoát phần thiện, tuy thuở xưa khởi điều thiện, do thời gian lâu xa nên Xá-lợi-tử không thể quán biết. Lại không thể quán biết hai khoảng thời gian trước và sau có bao nhiêu đời của chim ưng đuổi bắt bồ câu.

b. Bỏ sự hai: Như luận Đại Trí Độ chép: Đức Phật trụ tại Kỳ-hoàn sau giờ ngọ đi kinh hành, lúc đó có con chim ưng đuổi bắt bồ câu, bồ câu bèn bay đến đậu bên Đức Phật. Phật đi di hành ngang qua bóng che thân bồ câu, bồ câu cảm thấy thân an ổn, hết sợ hãi, không còn kêu la, sau đó bóng ngài Xá-lợi-phất che thân bồ câu, nó lại kêu la sợ sệt như lúc đầu. Do đó, ngài Xá-lợi-phất bạch Phật, thân Phật và thân con đều không còn ba độc, vì sao bóng Phật che bồ câu thì nó không còn sợ hãi kêu la. Còn bóng con che thì bồ câu kêu la và sợ sệt như lúc đầu? Phật dạy tập khí ba độc của ông chưa hết, do đó bóng ông che bồ câu vẫn không hết sợ, ông xem bồ câu này xưa kia có bao nhiêu đời làm bồ câu.

Ngay lúc đó ngài Xá-lợi-phất bèn nhập trí túc mạng tam-muội quán sát chim bồ câu này, trong thời gian đó một, hai, ba cho đến tám muôn đại kiếp thường làm chim bồ câu, qua thời gian này trở đi thì không thấy được nữa ngài Xá-lợi-phất xuất định bạch Phật rằng: trong tám muôn kiếp thường làm chim bồ câu, quá thời gian về trước không thể thấy được nữa Phật bảo: Nếu ông không biết hết đời quá khứ, thử xem đời vị lai bồ câu lúc nào sẽ thoát kiếp chim bồ Câu-xá-lợi-phất bèn nhập Tam muội Nguyện trí, quán thấy bồ câu một, hai, ba đời cho đến tám muôn đại kiếp chưa thoát thân chim bồ câu qua thời gian này cũng không thể biết. Bèn xuất định bạch Phật: Con thấy bồ câu từ một, hai đời cho đến tám muôn đại kiếp cũng chưa thoát thân chim bồ câu, qua thời gian ấy con không biết. Con không biết chừng hạn quá khứ, vị lai, không biết lúc nào bồ câu mới được thoát kiếp chim.

c. Kết luận: Phật bảo Xá-lợi-phất: Các Thanh Văn, duyên giác chẳng thể biết được thời hạn làm chim bồ câu này. Về sau, trong hàng hà sa đại kiếp vẫn làm chim bồ câu, tội hết được thoát thân súc sinh, luân hồi trong năm đường sau đó mới được làm người, qua năm trăm đời mới được lợi căn. Bấy giờ có Đức Phật độ vô lượng A-tăng kỳ chúng sinh, sau đó nhập Niết-bàn vô dư, để lại giáo pháp ở đời, người này thọ năm giới Ưu-bà-tắc. Theo thầy Tỳ-kheo nghe và khen ngợi công đức Phật, bấy giờ mới phát tâm nguyện muốn thành Phật. Sau ba A-tăng-kỳ

thực hành sáu độ Ba-la-mật, chứng Thập địa đầy đủ được thành Phật, độ vô lượng chúng sinh rồi nhập Niết-bàn vô dư.

Lúc ấy, ngài Xá-lợi-phất sám hối với Phật, bạch rằng: Với một con chim bồ câu còn chưa thể biết được gốc ngọn hướng chi các pháp, Chư Phật như thế biết khắp tất cả, dưới đây một hàng tụng là thứ hai nói về thân lực. Luận chép: cho đến vô biên tâm lực, là giải thích năng lực của thân Phật. Na-la-diên là tên vị thần, Hán dịch là nhân chủng có ba thuyết khác nhau: Một là Phật lực bình đẳng Na-la-diên lực; hai là mỗi chi tiết bằng nhau Na-la-diên lực; ba là thân lực vô biên. Nếu không như thế lẽ ra không thể giữ gìn vô biên tâm lực, Đại giác cho đến năng lực có hơn kém, ba vị là nói Đại giác, Độc Giác, Luân Vương về năng lực có hơn kém. Bạc Đại Giác chi tiết nối liền nhau, giống như rỗng nằm cuộn khúc. Độc Giác chi tiết nối liền nhau như các mặt dây xích liền nhau, Luân Vương chi tiết nối liền nhau như móc câu.

Sức mạnh của Na-la-diên thế nào? Mười mười tám gấp bội cho đến tiền tiền mười gấp bội, có bảy lớp giáo lượng đó là: Phạm tượng, hương tượng, Ma-ha-nặc-kiện-na (tên một vị thần Hán dịch là đại lộ hình) Bát-la-tắc-kiến-đề cũng là tên thần, Bát-la, Hán dịch là Thắng, Tắc-kiến-đề, Hán dịch là Uẩn. Đại Lãng Ca (cũng là tên vị thần, Hán dịch là Diệu chi) Giá-nộ-la (cũng là tên vị thần, Hán dịch là Chấp Trì) và Na-la-diên. Đã nói như trước, bảy lớp này càng về sau năng lực hơn trước kia gấp mười lần.

### 5. *Nêu thuyết khác:*

Có thuyết nói sáu lớp trước cho đến thành Na-la-diên, là nêu thuyết khác. Luận Chánh Lý chép: có Luận sư khác nói lượng này như sức mạnh của ngàn voi đầu đàn Ái-la-phạt-noa. Năng lực quả voi đầu đàn này, lượng ấy thế nào? Lúc trời ba mươi ba sắp dạo chơi trong vườn, voi đầu đàn biết rồi hóa thành nhiều đầu, có các thứ trang nghiêm cho đến chỗ cung trời, quyến thuộc các vị trời số có nhiều ngàn, nường sức bay lên hư không như cầm hoa lá đi nhanh cho đến vườn tùy ý dạo chơi, voi đầu đàn cõi trời có thể lực như thế, sức này gấp ngàn lần Na-la-diên. Như trên là văn luận, trong sở thuyết phần nhiều hợp lý, là Luận chủ bình phẩm, luận chánh lý cũng đồng.

Thân lực như vậy cho đến lìa bảy, ngoài ra có nói riêng về thể của lực, Bà-sa quyển ba mươi có năm thuyết: Một là bốn đại không chỉ tăng thắng gọi thân lực, ốm yếu gọi là thân kém, thứ hai địa tăng gọi thân lực, thủy tăng gọi là thân kém, thứ ba nói tăng nặng gọi là thân lực, nhẹ tăng gọi thân kém, thứ tư lìa bảy xúc đã tạo ngoài ra có xúc sở tạo, gọi

riêng là sở tạo đều là tự tánh thân lực yếu kém. Nếu điều hòa đều gọi là thân lực, còn không điều hòa đều gọi thân kém. Câu-xá trước giải thích chẳng phải giải thích thứ năm của Bà-sa, cũng đúng, đồng với hai thuyết đầu của luận Bà-sa. Đại chủng khác nhau, tức không chỉ riêng tăng v.v... và địa tăng v.v... sau giải thích động loại thứ tư. Chánh Lý có bốn giải thích:

1. Như thế thân lực xúc xử làm tánh, ứng này đều là các xúc khác nhau, đồng với lời bình của luận Bà-sa, các xúc khác nhau tức bốn đại và tên khác của xúc sở tạo điều hòa.

2. Chỉ là đại chủng khác nhau, đồng với thuyết trước của luận Câu-xá.

3. Là tạo xúc, lìa bảy đại có riêng, đồng với thuyết sau của luận Câu-xá.

4. Lực là nặng, kém là nhẹ, đây đồng với thuyết thứ ba của luận Bà-sa. Chánh Lý cho lời bình của các nhà Bà-sa là đúng, ý luận Câu-xá khác, ý Luận sư không thể hòa hợp.

### **6. Nói về vô úy:**

Tướng bốn vô úy của Phật khác nhau như thế nào? Dưới đây nửa bài tụng thứ hai là nói về vô úy. Luận chép: cho đến Như lực thứ bảy là y theo lực nêu ra thể vô úy, lời văn rất dễ hiểu, luận Bà-sa quyển ba mươi một chép: Có bốn Vô úy:

1. Chánh đẳng giác vô úy, như Khế kinh chép, ta là bậc chánh đẳng giác các pháp. Hoặc có Sa-môn Phạm Chí, thiên ma phạm... ở thế gian, y pháp lập câu vặn hỏi, hoặc khiến nhớ nghĩ, đối với pháp như thế chẳng phải Chánh Đẳng giác thì không có việc đó. Nếu có người cho rằng ta đối với việc này thấy đúng, không có lý do, nên được an ổn không sợ sệt, ta xưng ta là bậc Sư Tử Hống, xoay bánh xe, đại phạm tất cả Sa-môn, Phạm Chí, thiên ma v.v... ở thế gian không thể xoay được,

2. Dứt hết các lậu không còn sợ sệt, như Khế kinh nói ta đối với các lậu đã dứt hết hoàn toàn. Hoặc có Sa-môn Phạm Chí, thiên ma v.v... ở thế gian y pháp đặt ra câu hỏi. Hoặc khiến nhớ nghĩ có lậu như thế, chưa dứt được hẳn thì không có việc đó. Nếu có người cho đến nói rộng.

3. Nói chướng pháp vô úy, như khế kinh chép: Ta nói cho đệ tử nghe pháp làm chướng nhiễm chắc chắn làm chướng ngại. Nếu có Sa-môn Phạm Chí, thiên ma v.v... ở thế gian y theo pháp đặt ra câu hỏi. Hoặc làm cho nhớ nghĩ, có pháp chướng này làm nhiễm không bị chướng thì không có việc đó, cho đến nói rộng.



4. Thuyết xuất đạo vô úy, như Khế kinh nói ta nói cho đệ tử nghe có thể tu đạo ra đời, chắc chắn ra khỏi khổ. Nếu có Sa-môn Phạm Chí, thiên ma Phạm v.v... ở thế gian theo pháp đặt ra câu hỏi hoặc để thử nghĩ tu đạo như thế không thể thoát khổ thì không có việc đó. Nếu có người nói ta đối với việc này thấy đúng không có lý do, nên được an ổn, không sợ sệt, cho đến nói rộng.

### **7. Tu phương tiện trí đức:**

Luận chép: Đã nói mười lực, bốn vô sở úy như thế, mỗi lực nhiếp bốn vô sở úy, mỗi vô sở úy gồm mười lực thì có bốn mươi lực và bốn mươi vô úy. Nhưng trước nói năng lực thứ nhất, mười, ba, hai là vô úy là nói theo hiển tướng. Luận Chánh Lý phết lập rằng: Vì sao Chư Phật vô úy chỉ có bốn, nhưng do lượng này, vì nói lên Phật Thế Tôn tự tha tròn đầy đều rất ráo. Nghĩa là vô úy ban đầu nói lên Phật Thế Tôn tự trí viên đức, vô ký thứ hai là trình bày Phật Thế Tôn viên đức tự dứt. Hai lực vô úy nói lên Phật tròn đầy đức tự lợi, là nói lên lợi tha viên đức của Thế Tôn. Vì thế lại nói hai lực vô úy sau, vô úy thứ ba ngăn hành tà đạo, vô úy thứ tư làm hướng cho đến chánh đạo, nghĩa là mọi nơi Phật vì đệ tử nói pháp chỉ để dứt trừ, tức là khiến tu phương tiện đức dứt. Lại ở khắp chỗ đều dạy các đệ tử đạo ra đời để tu hành cho đúng, tức là bảo tu phương tiện trí đức.

Hai năng lực vô úy này nói lên đức lợi tha tròn đầy của Phật, chỉ do bốn lực này tùy theo sự thích ứng. Vì nói lên trí tự tha, đức dứt tròn đầy cho đến rất ráo chỉ lập bốn thứ như trên là văn luận. Luận chép: Vì sao đối với trí cho đến thể tức là trí, chẳng phải là trí, do trí thành nên gọi là trí. Luận Chánh Lý cũng đồng, nên kia luận ấy chép thật đúng lý như thế, chỉ vì nói vô úy dùng trí làm nhân gần gũi, vì vậy y theo trí nêu ra thể vô úy, nói về người vô úy nghĩa là không khiếm sợ, do có trí nên không khiếm sợ người khác, do vậy trí được làm tánh của nhân vô úy. Chỉ Phật có đủ bốn diệu trí là nhân của bốn vô úy, nghĩa là các Đức Như Lai đối với tất cả pháp, tất cả tướng diệu trí là nhân vô úy thứ nhất. Hoặc Chư Như Lai dùng diệu trí dứt trừ tất cả phiền não và tập khí là nhân vô úy thứ hai. hoặc diệu trí của các Đức Như Lai biết có tổn có ích cho các đệ tử, là nhân của hai vô úy sau. Như trên là văn luận. Luận chép: Vì sao đối với trí cho đến thể tức là trí, đây là giải thích vô úy, chỉ là vô úy.

### **8. Giải thích vô úy:**

Hoặc thể của vô úy là bốn diệu trí, khiếm sợ gọi là úy, đối với pháp không được rõ biết trong lòng lo lắng nên khởi lên sự sợ hãi này,



có cận tri hay trái với tướng sợ này gọi là vô úy, chẳng lẽ đều không có trí tức là thể của sợ hãi, vì sao nói tri thể là tức vô úy (ý vận hỏi trong đây đã chẳng phải không có trí tại sao nói trí vô úy làm thể) đây trách không đúng, vì trí cùng nhiều pháp làm cận tri, như không nghi nghĩa là trí như hay cận tri vô trí, đối với sợ hãi cũng có công năng cận tri nên được gọi là trí cũng gọi là vô úy. Như tri vô trí cũng có thể tri nghi, nên được gọi là trí cũng gọi là quyết định. Đã tri vô trí tuy không nghi, mà trí và vô nghi tên gọi có hai nhưng thể chỉ là một, như vậy vô trí tuy khác với úy, mà tên gọi vô úy là để gọi thể của trí. Vì một pháp thiện có công năng dứt nhiều pháp ác, có thuyết cho vô trí cũng bao gồm thể của úy, nên trong đây không đáp ứng câu vận hỏi.

### **9. Nói về niệm trụ:**

Lực vô úy có gì khác nhau? Là Đáp vì thể không khác nhau đều là trí, nhưng đối với trí thể có nghĩa riêng gọi là lực, lại y theo nghĩa riêng đặt tên là vô úy, nghĩa là không bề dẹp nhân gọi là Lực, nhân không khiếp sợ vô úy, gọi là vô úy v.v... có nhiều giải thích, rộng như luận kia. Tướng ba niệm trụ của Phật khác nhau thế nào? Trở xuống nửa bài tụng là thứ ba nói về niệm trụ. Luận chép: cho đến niệm trụ thứ nhất, là giải thích thứ nhất. Các chúng đệ tử cho đến niệm trụ thứ hai, là giải thích thứ hai, các chúng đệ tử cho đến niệm trụ thứ ba, là giải thích thứ ba, ba niệm trụ này đều dùng niệm tuệ làm thể, là nêu thể của ba niệm trụ. Luận Bà-sa quyển một trăm tám mươi tám chép hỏi rằng: Lúc Phật nói pháp nếu đều kính thọ thì lẽ ra không có ba niệm trụ, nếu có người không cung kính, thọ thì sẽ không có Thế Tôn đối với phi ruộng phước phi khí mưa xuống đám mưa chánh pháp. Phật nói pháp như vậy thì sẽ luống uổng.

Đức Thế Tôn nói pháp cho người nghe muốn cho họ hiểu, nếu người không hiểu, thì cũng có các vị trời hiểu, như vậy niệm trụ có ba, cũng chẳng phải Phật nói pháp làm tổn hại. Vì sao? Vì người không hiểu nên niệm trụ có ba, vì các vị trời rất dễ hiểu, không phải phi điền, phi khí mà mưa xuống mưa pháp. Luận Chánh Lý chép: Đó là do an trụ chánh niệm, chánh tri, đối với ba cảnh không sinh ưa thích, như trên là văn luận.

Luận chép: Các đại Thanh Văn cho đến bất cộng Phật pháp, việc này Thanh Văn cũng có, sao gọi là bất cộng? Luận chép: Đáp Phật đối với việc này đều tu tập dứt trừ. Hoặc các đệ tử cho đến chẳng phải kỳ đặc, là giải thích thứ hai là các đệ tử vốn tùy thuộc Như Lai, không tùy thuộc Thanh Văn, như thế có thuận nghịch chung, không sinh ưa thích,

có thể cho là kỳ lạ, vốn đã không thuộc Thanh Văn, đối với Thanh Văn không thuận nghịch chung không sinh ưa thích chẳng mong cầu. Nên chỉ có ở Phật được gọi là bất cộng, là tổng kết tên gọi.

### **10. Nói về đại bi khác nhau:**

Chữ Phật đại bi vì sao khác nhau? Dưới đây một hàng tụng là thứ tư nói về đại bi khác nhau. Luận chép: Cho đến như cộng có bi, trong văn này có ba: Một là nêu thể, hai là giải thích tên, ba là khác với bi. Một là nêu ra thể đại bi, do duyên khắp tất cả hữu tình nên chẳng phải trí vô lậu là tục trí. Dựa vào đâu mà gọi là đại bi? Đây là giải thích tên thứ hai, trong đó có hai hỏi và Đáp, y năm nghĩa gọi là Đại, nêu lên năm nghĩa:

- 1) Là do tư lương cho đến được thành xong, là nghĩa thứ nhất.
- 2) Là do hành tướng cho đến làm hành tướng, là nghĩa thứ hai.
- 3) Là do sở duyên cho đến làm sở duyên, là nghĩa thứ ba.
- 4) Là do bình đẳng cho đến làm lợi lạc, là nghĩa thứ tư.
- 5) Là do phẩm thượng cho đến có thể ngang bằng với đây, là nghĩa thứ năm.

Ở đây khác với bi do tám thứ nhân, trở xuống là thứ ba nói khác với bi có tám nhân, một là do tự tánh cho đến thương xót khác nên đại bi dùng vô si làm tánh, bi lấy vô sân làm tánh, vẫn còn lại rất hiểu. Đã nói về đức của Phật, trở xuống một hàng tụng là thứ năm về Phật đồng khác, vì bình đẳng rốt ráo, trong Văn xuôi có ba đốt, một là nói về đồng, hai là nói về khác, ba nói về đức, do thọ chủng tánh cho đến pháp trụ lâu mau v.v... thứ hai là nói về khác, vẫn có năm tiết.

### **11. Có bốn sự khác nhau:**

Một là nói chung khác nhau có bốn: 1. Do thọ. 2. Thân lượng. 3. Chủng tánh. 4. Lời nói bình đẳng, giải thích bốn thứ này vẫn lại chia thành bốn đoạn, lời văn rất dễ hiểu. Như thế có khác cho đến cơ nghi khác nhau, là nói về nhân khác nhau, những người hiểu biết cho đến rất sinh tâm ái kính, dưới đây là thứ ba, nói về đức khuyến kính để phát tâm Bồ-đề. Ba đức kia thế nào? Là hỏi về ba đức. Luận chép: một là nhân viên đức cho đến ba là ân viên đức. Là nêu ba tên, ban đầu là nhân viên đức cho đến tu không kiêu mạn, khai nhân thứ nhất viên đức có bốn, lời văn rất dễ hiểu.

Kế là quả viên đức cho đến sắc thân viên đức, thứ hai là chia quả viên đức thành bốn đó là trí, đoạn, oai nghi và sắc thân. Trí viên, đức cho đến không có công dụng trí, lại chia quả viên đức thành bốn trí viên đức:

- 1) Trí vô sư vì lúc thành Phật không có thầy.
- 2) Trí Nhất thiết là duyên cộng tướng lý cùng tột.
- 3) Trí Nhất thiết chủng là biết tất các pháp đều khác nhau.
- 4) Trí Vô công dụng vì lúc khởi nhất thế trí và nhất thế chủng trí không cần gia hạnh.

### **12. Nói về các viên đức:**

Đoạn viên đức cho đến đồng thời tập đoạn, trong quả viên đức chia thành bốn đoạn viên đức hai, đoạn đầu đồng với Nhị thừa, ba thừa Vô học đồng dứt tất cả phiền não, đây khác với Bồ-tát. Hai là chướng tất cả định được dứt trừ, phân biệt khác với Bồ-tát, Nhị thừa, vô lượng Tam-ma-địa, vì Bồ-tát Nhị thừa không được. Ba là rốt ráo dứt: Là nói lên bất thối, bốn là đồng thời tu tập, dứt bỏ, là nói cả hai vô tri tận. Oai thế viên đức cho đến hy vọng uy thế, là chia oai thế viên đức thứ ba trong quả viên đức thành bốn. Bốn thứ này nói thần túc bất tư nghi bốn thứ khác nhau, oai thế viên đức cho đến chắc chắn có thể hàng phục, lại chia oai thế viên đức thành bốn. Bốn thứ trước là thần biến, bốn thứ sau là điều vật.

Sắc thân viên đức cho đến vượt hơn trăm ngàn mặt trời, trong quả viên đức chia sắc thân viên đức thứ tư. Trong quả viên đức thành bốn. Sau là ân viên đức cho đến đường lành ba thừa, chia ân viên đức thứ ba trong quả viên đức thành bốn, có hai thứ bốn một là giải thoát ba đường ác là ba, giải thoát sinh tử là thứ tư. Hai là an trí đường lành là một, an trí ba thừa là ba thứ sau. Nói chung về viên đức của Như Lai như thế, tổng kết ba đức, nếu phân tích riêng cho đến nói mới có thể hết, khen nói riêng nhiều. như vậy thì hiển bày cho đến như núi Đại Bảo, tổng kết đức của Phật. Có các kẻ ngu cho đến không thể tin trọng, là nói người ngu không tin biết, các người có trí cho đến thấu tận xương tủy, là nói người trí tin sâu. Kia do một niệm cho đến quả rốt ráo, là nói sự lợi ích của lòng tin, như Bạc-già-phạm cho đến sau sẽ được Niết-bàn, dẫn văn tụng để chứng minh.

### **13. Nói về cộng công đức:**

Đã nói về Như Lai cho đến cộng công đức, trở xuống một hàng kệ là thứ hai của đại văn nói về cộng công đức, có hai một là cộng với Thánh hai là cộng gồm phạm. Luận chép: cho đến tùy theo sự thích ứng kia là nêu cộng đức, ba môn trước cho đến cũng cộng dị sinh, là nêu hai thứ cộng, một là cùng bậc Thánh, hai là cùng dị sinh. Theo Luận Chánh Lý thì mặc dù tất cả công đức cao quý thanh tịnh tự tại trong thân Phật cùng công đức của Thanh Văn v.v... có khác, nhưng y loại đồng nói

nên gọi là cộng. Như trên là văn luận. Trong ba môn trước lại nói về vô tránh, trở xuống là nói chỉ cùng bậc Thánh, trong đó có bốn môn: Vô tránh định, nguyện trí, vô ngại giải và đặc sai khác, một hàng tụng này nói về vô tránh. Luận chép: cho đến sinh tham sân v.v... là nói bậc Thánh khởi ý vô tránh trí, Luận Chánh Lý có bậc A-la-hán nhớ nhiều đời thuở xưa làm thân tạp loại phát hoặc tự tha, do nối tiếp này thọ quả phi ái, bèn khởi niệm có thân phiền não khởi duyên hoặc còn chiêu cảm quả khổ, huống chi lia phiền não có đủ thân thắng đức. Nghĩ đoạn bèn phát sinh tướng trí như thế. Do phương tiện này làm cho hữu tình khác không duyên thân mình sinh tham, sân v.v... trí này chỉ dùng tục trí làm tánh, vì nhờ đời vị lai khác tu dứt hoặc. Chẳng phải trí vô lậu hành tướng này chuyển.

Hoặc thể của vô tránh thuộc về trí, vì sao nói tập khí vô tránh v.v... nhiếp trì điều này không trái nhau. Một phẩm tương ứng có nhiều công đức vì giả lập một. Như trên một ngọn núi có nhiều thứ vật, nêu bất cứ một loài nào để gọi tên núi, lý ứng vô tránh là thuộc về trí, giữ gìn nối tiếp khác, hoặc đương lai sinh, phương tiện khéo léo là việc trước tiên mới thành như trên là văn luận. Hành này có thể dứt cho đến được gọi là vô tránh, nhưng tất cả tránh đều có ba thứ, vì uẩn, lời nói và phiền não có khác nhau. Uẩn tránh nghĩa là chết, ngôn tránh là đấu tranh, phiền não là một trăm lẻ tám phiền não. Do năng lực của tục trí này, có công năng ngăn dứt phiền não tránh gọi là tên vô tránh, hành này chỉ dùng tục trí làm tánh, vì trình bày chẳng phải vô lậu mười sáu hành.

#### 14. Trình bày về y địa:

Tĩnh lực thứ tư cho đến là trên hết, là trình bày y địa, bất động ứng quả cho đến phiền não thân khác, là nói về tánh và quả. Lui sụt và Hữu học, còn không tự giữ gìn khởi phiền não lui sụt, huống chi ngăn dứt phiền não thân khác. Ở đây chỉ nương vào thân người ở ba châu, là nói về y thân, duyên dục vị lai cho đến duyên có cảnh, là nói ngăn phiền não, chỉ mê sự. Nói về vô tránh rồi, kế là nói về nguyện trí, trở xuống nửa hàng tụng là thứ hai nói về nguyện trí. Luận chép: Cho đến nên gọi là Nguyện trí, là giải thích tên gọi, đây là trí của nguyện nên gọi là Nguyện trí. Trí tự tánh này cho đến là sở duyên, là nói có đồng, khác với định vô tránh. Tỳ-bà-sa cho đến như người làm ruộng, là nói do tỷ trí biết Vô Sắc, nói quán sát kỹ nhân hạnh kia và đăng lưu kia nghĩa là trước dùng trí khác để quán xét nhân trước kia và đăng lưu ở sau, có trí này sinh dẫn chân nguyên trí, hoặc quán tâm sinh tử ở cõi Dục, so lường

mà biết sở sinh, tùng xứ, như người làm ruộng lúc thấy hạt giống biết sau sẽ nảy mầm, và lúc thấy nảy mầm biết trước đó là hạt giống.

Luận Chánh Lý chép: Nếu thế vì sao gọi là nguyện trí, vì Hữu học, sinh cũng có thể biết, không như vậy thì sở tri định, bất định mà nghe truyền thuyết. Các bậc đại Thanh Văn ghi nhớ việc vị lai có định, Định là nguyện trí, bất định chẳng phải nguyện trí hiểu được nguyện trí thì thật biết vị lai, nghĩa là trước khởi tỷ trí quán quá khứ, hiện đời, y theo so sánh vị lai dẫn nguyện trí sinh mới là cái thấy chân thật, do đó biết được Vô Sắc, nghĩa là trước quán nhân hành, đẳng lưu kia có tử trí sinh dẫn nguyện trí chân thật, hoặc tâm lúc quán tử sinh ở cõi Dục, cõi Sắc so sánh biết sở sinh tùng xứ, dẫn sinh nguyện trí mới biết như thật.

### **15. Nói về gia hạnh nguyện trí:**

Là giải thích thứ hai hoặc tử trí biết cũng không có lỗi, do chứng tử trí sở duyên chắc chắn là đồng. Hoặc so sánh không biết làm sao chứng được cho nên nguyện trí lẽ ra không thể nói lực có công năng duyên khắp ba cõi, ba đời. Y theo đây duyên cả ba cõi ba đời, các cõi sắp khởi cho đến đều biết như thật, là nói gia hạnh nguyện trí. Theo văn luận này cũng là thật tri chẳng phải tử tri. Luận Chánh Lý chép: Nguyện trí lực này có thể biết quá khứ, khác với túc trụ trí, như thế nào? Nguyện trí biết hết tự tướng, cộng tướng các túc trụ trí biết công chẳng phải loại khác, trong biết cộng tướng cũng có khác nhau, nguyện trí biết rõ túc trụ không như thế đối với hiện sở duyên đối tâm trí khác nói về tướng khác nhau, như lý nên suy nghĩ. Tha tâm trí biệt tướng riêng không biết tướng chung, trong quán tri biệt tha tâm minh liễu chưa cho đến nguyện trí.

Luận Bà-sa quyển một trăm bảy mươi chín chép: Hỏi tại sao nguyện trí biết cõi Vô Sắc, có thuyết nói do quán đẳng lưu và hành khác nhau. Như thấy người đi đường biết từ đâu đến, có người nói nếu thế thì nguyện trí lẽ ra là tử lượng trí chẳng phải hiện lượng trí, nên nói rằng: Nguyện trí này không quán nhân mà biết quả, không quán quả mà biết nhân, do đó trí này là hiện lượng trí chẳng tử lượng trí. Bà-sa lại hỏi túc trụ tùy niệm trí và duyên quá khứ nguyện trí, khác nhau thế nào? Lại nữa, túc trụ tùy niệm trí biết năm uẩn hữu lậu. Nguyện trí này biết các uẩn hữu lậu, vô lậu. Lại nữa túc trụ tùy niệm trí biết năm uẩn ở dục và cõi Sắc, nguyện trí biết ba cõi và không hệ thuộc các uẩn, lại nữa túc trụ tùy niệm trí biết cộng tướng của các uẩn. Nguyện trí này biết tự tướng và cộng tướng các uẩn, tha tâm trí duyên với nguyện trí hiện tại, khác nhau thế nào?

### **16. Nói về bốn vô ngại giải:**

Tha tâm trí duyên một vật làm cảnh, nguyện trí này duyên một vật, hoặc nhiều vật làm cảnh. Tha tâm trí duyên cảnh tự tướng, nguyện trí duyên cảnh tự tướng, cộng tướng tha tâm trí duyên tha nối tiếp, nguyện trí duyên tự tha nối tiếp. Y theo theo văn trước mà giải thích nhiều nhưng nghĩa không đủ, hoặc cùng nguyện trí đồng một duyên lực dụng khác nhau thế nào theo luận Chánh Lý, mặc dù có đồng duyên nguyện trí thù thắng. Đã nói nguyện trí vô ngại giải: Trở xuống nửa bài tụng là thứ ba nói về bốn vô ngại giải, trí là tự tánh. Giải thích sơ danh thể tức trí không lui sụt, là thể của bốn vô ngại giải, Trí không lui sụt cho đến lập thành bậc nhất, kế giải thích rộng.

Luận Chánh Lý chép: Nghĩa mà các thứ giải thích gọi là danh là tiêu biểu giới thiệu nghĩa pháp tự tánh. Nói về nghĩa được giải thích gọi là cú là nói về nghĩa pháp khác nhau, không đợi nghĩa thình độc lập có thể làm chỗ nương tựa để giác sinh gọi là văn tức là Ca, giá, tra, đà, ba v.v... lẽ ra có giác không đợi nghĩa thình, giác này chẳng lẽ không có cảnh sở duyên, cảnh sở duyên gọi là văn. Văn nghĩa là không thể, chính thân đối với nghĩa chỉ cùng danh cú làm chỗ nương tựa để giải thích nghĩa ba thứ này có thể giữ gìn các nghĩa sở thuyên và pháp tắc sinh sự hiểu biết gọi là Pháp (Âm thình tuy là giáo mà không gọi là pháp, vì khuôn phép khiến cho chúng sanh hiểu chẳng phải dụng của âm thình) duyên nghĩa sở thuyên xếp vào thứ nhất.

Luận Chánh Lý chép: Hoặc trí không lui sụt, duyên tất cả pháp có thắng nghĩa lập làm nghĩa thứ hai là tự tướng, cộng tướng của các pháp. Tuy danh thân... cũng bao gồm mà chẳng phải thắng nghĩa vì có nhiều tướng, nghĩa là có nghĩa như có nghĩa bất như, có nghĩa hữu có nghĩa vô, có khi y giả chuyển, có khi y thật chuyển. Hiểu rõ Vô Gian này, hoặc thời gian sau so sánh gọi là thắng nghĩa. Vì muốn nói lên cảnh sở duyên của nghĩa vô ngại giải, chẳng phải ngữ và danh. Sở duyên này gọi là thắng nghĩa, ở đây chỉ lấy y ngữ khởi danh gọi là nghĩa do danh hiển, chẳng lấy sở hành của tâm gọi là nghĩa. Như trên là văn luận Duyên theo thì từ ngữ phương ngôn xếp vào thứ ba.

Luận Chánh Lý chép: Hoặc trí không lui sụt, duyên theo ngôn từ của thế tục và bậc Thánh ở các nơi lập làm nghĩa thứ ba, có thể biết rõ thế ngữ, điển ngữ đối với nhiều loại khác nhau ở các nơi, (như trên là văn luận). Luận chép: duyên ứng Chánh Lý cho đến lập làm nghĩa thứ tư. Luận Chánh Lý chép: Đối với văn, nghĩa có công năng tuyên dương đúng, không ngưng trệ ngôn từ gọi là biện, và tất cả các công đức đã được, không do gia hạnh nhậm vận hiện ra, công năng tự tại cũng gọi là



biện, năng khởi biện lập gọi là biện. Rõ biện và nhân trí gọi là biện vô ngại giải. Trước đã nói có thể diễn giải đúng, khéo ứng căn cơ chúng sanh không trái thẳng nghĩa, tất cả ngôn thuyết gọi đúng Chánh Lý, đoạn trước đã nói không trệ ngại bởi ngôn từ, không đối đãi xứ thời và hữu tình... phân tích tự tại gọi là không trệ ngại, nói đã được công đức, không do gia hạnh nhậm vận hiện ra gọi là hai đạo định, tuệ tự tại. Nói chung cho đến gồm hiển bày sở duyên, tổng kết văn trên, gồm dẫn văn dưới.

### ***17. Giải thích khác nhau:***

Trong đây, Pháp từ cho đến sự cảnh giới dưới đây là y theo trí, địa v.v... giải thích khác nhau, đây là giải thích hai thứ pháp, từ vô ngại thuộc tục trí, do trí loại đồng nên vượt thứ lớp để giải thích pháp vô ngại giải cho đến không có danh v.v... là nói địa sở y của pháp vô ngại luận Bà-sa quyển một trăm tám mươi thì địa là pháp vô ngại giải, có thuyết nói ở Nhị địa là cõi Dục và Sơ Tĩnh lự. Có người nói ở Ngũ địa là cõi Dục và Tứ Tĩnh lự, có người nói tại Thất địa đó là cõi Dục, Vị chí trung gian Tĩnh lự và tứ Tĩnh lự, nhưng không có nhà bình phẩm, có người nói thuyết đầu y theo danh tùy thân hệ, pháp vô ngại giải chỉ nương nhị địa, hai thuyết sau cứ danh tùy thân hệ, thuyết pháp vô ngại giải thông y địa trên, do duyên pháp khó chủ yếu trí tự địa duyên pháp tự địa. Luận này, Luận Chánh Lý Hiển Tông đều đồng với thuyết thứ hai của luận Bà-sa, lấy năm địa làm chánh, giải thích này không được ý luận. Hoặc dùng ba thuyết của luận Bà-sa hai thuyết sau là danh tùy thân hệ gia đã đến thiền Vị Chí không có thân riêng. Vì sao cách giải thích thứ ba có cả Thất địa. Lại y theo văn này nói địa sở y của pháp vô ngại có ba giải thích gọi địa sở y, có hai thuyết trùng lặp, xét danh kia thuộc âm thanh là chánh.

Luận Chánh Lý chép: Pháp vô ngại giải nương chung năm địa nghĩa là nương cõi Dục, bốn Tĩnh lự, căn bản ở địa trên không có danh thân, kia không duyên riêng hạ gọi là đẳng. Xét theo văn luận này Vô Sắc không duyên riêng hạ danh, địa trên không có danh thân... địa trên là cõi Vô Sắc, cõi Vô Sắc không có danh thân v.v... lại không thể duyên riêng danh ở địa dưới nên không có pháp vô ngại giải Tĩnh lự thứ hai trở lên không có danh thân, có thể duyên riêng danh ở địa dưới nên có pháp vô ngại giải. Từ vô ngại giải cho đến vô tầm tứ, là nói về y địa, thượng không có tầm tứ đồng tánh tục trí y địa có khác. Luận Chánh Lý chép: Từ vô ngại giải chỉ y nhị địa nghĩa là y cõi Dục, sơ bốn Tĩnh lự, vì trong các địa trên có tầm, tứ vì địa kia chắc chắn không có tự ngữ



ngôn.

Nhân này phi lý, vì sao? Chẳng phải phát ngữ trí gọi là vô ngại giải, vì không có trong định vô ngại giải. Do đó không nên nói như vậy, không có tầm, tứ ở trong địa trên không có lỗi này vì nghĩa của nhân khác nhau. Vì sao gọi là nghĩa của nhân, đó là ý ngôn này vì hai pháp tầm tứ có thể phát ra lời nói, tương không vắng lặng tự tánh thô động. Trên không có điều này nên vắng lặng nhỏ nhiệm, từ vô ngại giải, duyên ngôn từ bên ngoài cũng không thuộc loại vắng lặng thô động vì vậy cách giải không có trong địa trên. Trong sơ Tĩnh lực cũng có tầm tứ, nên trong định cũng có giải thích này, do cực thành này chỉ nương nhị địa, như trên là văn luận.

Nghĩa vô ngại giải cho đến diệt tận vô sinh, là nói nghĩa vô ngại giải trí nhiều ít. Luận chép: Biện vô ngại giải cho đến duyên thuyết đạo, là nói thuộc về trí. Nói thuyết đạo, đạo là hai đạo định tuệ, vì cả hai đều nương chung, cho đến đều đặc khởi, là nói về y địa. Luận Chánh Lý chép: Hai thứ này nương chung, tất cả địa khởi, nói vô ngại giải trong thuyết đạo, vì chấp nhận tùy duyên một đều đặc khởi, nương chung các địa cũng không có lỗi. Nhưng trong đó chỉ duyên người nói chỉ nương nhị địa. Đồng với thứ ba, như trên là văn luận. Thi Thiết Túc Luận cho đến thứ lớp bốn chủng, là dẫn luận chứng minh gồm hiển thứ lớp, trí không lui sụt là thể vô ngại giải. Bốn chủng đều dùng trí không lui sụt làm thể. Luận Chánh Lý chép: Kinh xếp nghĩa trước pháp sau, trong các đối pháp thì pháp trước nghĩa sau, đây hiển bày hai trí lúc sinh, hoặc nghĩa nhân danh, hoặc gọi là nhân nghĩa nên kinh cùng luận thuyết khác nhau, nghĩa là người nghe pháp trước phân biệt danh.

Chánh tri gọi là thứ lớp tầm nghĩa kia, nghĩa chánh tri đã muốn vì người khác nói, kể chắc nên tìm không ngưng trệ nói trí. Theo thứ lớp này nên nói là ở trước, nhưng trong bốn thứ này nghĩa trí trên hết, ngoài ra trợ giúp nên nghĩa ở trước. Đó là trong nghĩa hoặc chánh liễu đạt, kể nên phương tiện tìm tòi nghiên cứu danh kia, đã biết danh muốn nói cho người khác nghe, kể nên đối với thuyết tìm trí phương tiện do đó thứ lớp bốn thứ như thế. Biện vô ngại giải, nếu lúc duyên nói thì đâu, khác với với vô ngại giải thứ ba? Thứ ba là rõ biết ngôn từ giải thích, như có biến ngại nên gọi là sắc v.v... đạt này ứng với lý nói không trệ ngại, như trên là văn luận.

### ***18. Nói về thuyết khác:***

Có Luận sư khác nói cho đến không có trệ ngại, là nói thuyết khác, theo truyền thuyết bốn thứ này cho đến vô ngại giải là nói về

thuyết thứ tư nhất của luận Bà-sa. Ở đây bốn gia hạnh thành, mới được bốn vô ngại. Thật ra tất cả cho đến có công năng làm gia hạnh là Luận chủ trình bày chánh giải thích, trong Phật ngữ có đủ bốn. Luận Bà-sa quyển một trăm tám mươi chép: nhà phê bình nói: Thuyết như vậy, bốn vô ngại giải đều dùng tập Phật ngữ làm gia hạnh. Như trong một Già-đà nên nói như vậy kia gọi là tập nói như vậy, là pháp vô ngại giải gia hạnh. Nên giải nghĩa tập kia như thế, giải nghĩa như thế, là nghĩa vô ngại giải gia hạnh. Nên huấn như thế, từ tập kia huấn từ như thế là từ vô ngại giải gia hạnh, nên nói vô trệ ngại như thế vô ngại thuyết như thế, là biện vô ngại giải gia hạnh, đều dùng tập Phật ngữ làm gia hạnh (như trên là văn luận). Bốn thứ như thế cho đến có thể gọi Đắc, là nói đắc thời đồng nhau.

Bốn sở duyên này cho đến như vô tránh thuyết là nói có đồng khác với tránh, luận Bà-sa quyển một trăm tám mươi chép: Đời thế đều rơi vào ba đời, pháp biện vô ngại giải duyên ba đời, từ vô ngại giải, quá khứ duyên quá khứ, hiện tại duyên hiện tại, vị lai sinh duyên vị lai, bất sinh duyên ba đời. Có thuyết nói pháp đồng với tứ, có thuyết nói ba vô ngại giải pháp, từ, biện, quá khứ hiện tại duyên quá khứ, vị lai duyên ba đời. Nghĩa vô ngại giải hoặc có dục khiến cho duyên lia đời, hoặc có dục khiến duyên ba đời và ly thế nhưng không có văn phê bình. Đã nói hạnh vô tránh như thế, dưới đây một hàng tụng là thứ tư giải thích chung sáu loại khác nhau đồng thời giải thích định bờ mé, định bờ mé đắc, là nói sáu sở nhân đắc, vì sáu loại này đều nhờ định lực của bờ mé dẫn phát. Bờ mé Tĩnh lự cho đến đệ tứ tĩnh lự, là nói thể của định bờ mé thông cục.

### **19. Thế có sáu loại:**

Luận Chánh Lý chép: Thế có sáu loại, sáu loại trước trừ từ còn năm phần ít và trừ loại này lại có gia hạnh khác đặc phẩm thượng Tĩnh lự gọi là định bờ mé nên thành ra sáu loại (sáu nhân này định thứ tư đắc định bờ mé, nhưng đã được ba vô ngại giải và định vô tránh. nguyên trí chung các địa nên nói phần ít) tất cả địa này cho đến được gọi là bờ mé, là giải thích danh từ, trước sơ lược sau giải rộng, vì sao tên gọi này cho đến khắp thuận theo, giải thích đầy đủ tất cả địa biến khắp thuận theo. Vì sao đây được gọi cho đến được gọi là bờ mé, giải thích tăng cho đến rất ráo, do định này, trước thuận tất cả sau nhập đệ định thứ tư gọi là thuận theo tất cả địa. Y theo đệ định thứ tư từ hạ đến thượng gọi là tăng đến rất ráo, do hai nghĩa này được gọi là bờ mé. Trong đây danh từ biên cho đến lời nói thật tế, là giải thích riêng hai chữ bờ mé, tức là hai lời

như thế, nói lên Tĩnh lực là định trên hết công đức thù thắng tối cực, phần nhiều dẫn sinh, đây là trên hết trong lạc thông hạnh. Trừ Phật ngoài ra cho đến đều chẳng được, là nói các bậc Thánh khác nhau chẳng phải là nhiệm được, hoặc người là nhiệm đắc. Lúc tạp nhiệm tất cả đồng đắc, đã là nhiệm giống nhau có thật. Lấy đây chứng minh biết do gia hạnh đắc.

Chỉ có Phật cho đến tự tại chuyển, là nói Phật là nhiệm đắc. Từ khi thành Phật về sau không cần gia hạnh vẫn hiện ra, đã nói ba thứ trước chỉ cùng các đức của bậc Thánh. Đây y theo cộng công đức, thứ hai là nói chung về công đức chung có cả ở phàm, trong đó có sáu:

**20. Nói về công đức chung:**

- 1) Nói về sáu thông.
- 2) Nói về ba minh.
- 3) Nói về ba thị đạo.
- 4) Nói riêng về thần cảnh.
- 5) Giải thích riêng nhãn nhĩ.
- 6) Nói chung về chủng loại.

Bốn hàng tụng này thứ nhất nói về sáu thông, lậu tận trí chứng thông, là nêu sáu tên. Tuy trong sáu thông cho đến cũng dị sinh, là giải thích vặn hỏi. Sáu thông như thể cho đến nêu ra nghĩa chướng, là bốn đạo phân biệt và thể tánh. Như quả Sa-môn, nêu thí dụ hiển bày. Luận Chánh Lý thì đạo giải thoát nói hiển xuất nghĩa chướng (chẳng phải cho rằng chỉ đạo giải thoát) trong đạo thắng tiến cũng chấp nhận có, thông minh như thế đạo Vô Giá không có. Vì định ở địa vị này ngăn tha tâm trí, chẳng phải A-la-hán xả đạo Vô Giá, cũng gọi xả lậu tận thông, Phẩm Loại Túc nói thiện tuệ là chung. Theo giải thích thứ hai của luận Chánh Lý thì kia chỉ nói chung là thiện tuệ không nói chỉ có thiện nên cũng không trái. Như nói hay biết là các thiện trí, chẳng lẽ ác, vô ký đều chẳng thuộc trí. Bốn thứ như thần cảnh v.v... cho đến hoặc mười trí là nói thuộc về trí. Luận chép: do đây đã nói lên nương Tĩnh lực thứ tư, là nói về y địa.

Vì sao năm địa này không nương Vô Sắc? Là hỏi: Đáp: Ba địa đầu duyên cho đến không có công năng riêng như vậy, vì ba địa đầu duyên riêng sắc làm cảnh. Thiên nhãn, thiên nhĩ, thần cảnh duyên riêng sắc, cận phần Vô Sắc tuy duyên sắc cõi dưới, chung mà không riêng với tha tâm thông, vì lúc tu dùng sắc làm cửa. Túc trụ thông dần dần nhớ nghĩ thành phần vị khác nhau của sắc thành, vì lúc thành lại duyên xứ tánh v.v... y Vô Sắc địa không có công năng như thế, do vậy năm thông

không nương Vô Sắc, các cõi muốn tu cho đến có thể biết như thật, là nói tu tha tâm trí gia hạnh. Các cõi muốn tu cho đến gia hạnh cũng thế, là nói túc trụ gia hạnh, ở đây có cả sơ khởi cho đến cũng có thể vượt sự nhớ nghĩ, là nói biết trước sau có khác. Vì các việc đã ghi nhớ thuở xưa cho đến từng nghe, là nói nhớ từng việc rõ ràng.

### **21. Dẫn luận làm rõ thêm:**

Luận Bà-sa quyển một trăm chép: Hỏi Túc trụ này tùy niệm trí là chỉ nhớ biết việc đã từng việc hay nhớ biết cả việc chưa từng? Đáp ở đây chỉ nhớ biết việc đã từng trải qua. Nếu thế thì trí này lẽ ra không nhớ biết việc ở năm tầng trời tịnh cư, vì thời gian từ vô thủy cho đến nay chưa sinh cõi kia? Đáp tùy việc đã từng có hai thứ là từng thấy và từng nghe, tuy chưa từng thấy việc ở năm tầng trời tịnh cư mà từng nghe nên cũng có thể nhớ biết. Cõi Dục cõi Sắc rất xa, rất thù thắng các việc ấy khó biết, y theo theo đây nên biết. Như trên là văn luận ở cõi Vô Sắc chết đi. Cho đến tự nối tiếp khởi, là nói ở Vô Sắc chết đi sinh cõi Dục, nương thân khác ban đầu tu thông này. Hoặc qua đời tự thân tu cho đến trung hữu sơ tâm, y thân khác trước qua đời tâm rất ráo.

Luận Chánh Lý chép: Hoặc túc trụ thông chẳng nương Vô Sắc, lẽ ra không ghi nhớ việc ở cõi Vô Sắc kế kinh hỏi vì sao? Trong pháp vô thượng của Phật, Thế Tôn nói Phật có khả năng ghi nhớ các việc hữu sắc, Vô Sắc đây là quyết định nguyện trí sở tri, chẳng phải túc trụ thông nên không có lỗi, nghĩa là các ngoại đạo thấy hữu tình qua đời ở cõi Dục và cõi Sắc. Không biết sanh chỗ nào, chấp loài hữu tình chết rồi đoạn diệt, thấy sinh ở cõi Dục, cõi Sắc không biết từ đâu, bèn chấp hữu tình xưa không mà nay có, Thanh Văn Độc Giác thấy kia qua đời, trong hai muôn kiếp không thấy ở đâu, bèn cho là kia mất rồi sinh không xứ mà kia hoặc sinh cõi trên, thọ chưa hết mà mạng chung. Như thế cho đến trong tám muôn kiếp không thấy chỗ nơi, bèn cho kia mất sinh lên Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, hoặc sinh địa dưới qua hai, ba đời v.v... lúc thấy sinh cõi Dục cõi Sắc cho là chỗ sanh về cũng thế.

Đức Thế Tôn quán kia lúc tử lúc sinh, như thật so sánh biết từ chỗ nào sinh, có tuổi thọ cùng tận. Có người trung yếu, tuy cũng so sánh biết, chẳng phải không quyết định nên cùng các vị Thánh khác so biết có khác nhau. Như trên là văn luận. Tu thần cảnh v.v... cho đến không y Vô Sắc, thần cảnh gia hạnh tư nhẹ, Thiên nhân tư thanh, thiên nhĩ tư thanh, dùng làm gia hạnh, thành mình tự tại, tùy gần xa thân đều có thể đến và thấy nghe, không có gia hạnh nên không có năm thông. Các Vô Sắc cho đến do đây đã ngăn, là giải thích thứ hai do chỉ quán khác

nhau đều, không có năm thông, năm thông như thế cho đến là hai cảnh chung, nói hạ không biết thượng, năm thông này cho đến vô số thế giới, là nói chung rộng hẹp, năm thông như thế cho đến không do gia hạnh, là nói hai đặc.

## 22. Nói về niệm trụ:

Luận Chánh Lý chép: Bậc Thánh ba thừa hậu hữu dị sinh, đặc đã từng đặc, chưa từng đặc. Ngoài ra dị sinh chỉ đặc từng đặc, như trên là văn luận. Ba thứ trước trong sáu thông cho đến thiên nhĩ duyên âm thanh, là nói về niệm trụ. Luận Chánh Lý chép: Y theo bốn niệm trụ nói sáu thông, y theo cảnh, y theo thể hai nghĩa có khác nhau. Có thuyết nói hai thông là Thiên nhĩ, Thiên nhãn, còn bốn thứ kia dùng tuệ làm tánh, kia nói nhãn, nhĩ thông là cảnh của thân niệm trụ, còn bốn kia chỉ là cảnh của pháp niệm trụ. Nhưng thật ra sáu loại chỉ tuệ làm tánh, kinh nói đều có thể rõ biết cảnh, do đây đều là pháp niệm trụ cảnh. Hoặc xét thể phân biệt thì trong sáu thông ba thông trước chỉ có thân, chỉ duyên sắc, Như trên là văn luận. Nếu thế vì sao cho đến các hành vi ác ác. Hoặc Thiên nhãn thông chỉ duyên sắc thiện nhãn tức là sinh tử trí thông, vì sao kinh nói sinh tử trí thông, biết loài hữu tình do trong hiện thân, thành các hành vi ác ác của thân, ngữ ý v.v... vì chẳng phải sắc làm tánh.

Chẳng phải thiên nhãn thông cho đến gọi là trí tử sinh đó là sức thiên nhãn thông dẫn khởi, có thắng trí riêng là quyến thuộc chung, biết ý nghiệp là việc đời vị lai cùng thiên nhãn thông hợp lập, gọi là trí sinh tử. Vì tha tâm trí thông cho đến tất cả cảnh, là nói ba thông tha tâm, tức trụ, vô lậu thuộc về niệm trụ, theo văn luận này tức trụ thông duyên riêng sắc, thọ, tâm vì chấp nhận có bốn niệm trụ, tức trụ đã thế, quyến thuộc tử sinh trí thông nên biết cũng vậy, Luận Chánh Lý chép: Kinh chủ muốn cho tất cả đều thuộc cả bốn niệm trụ, vì duyên cả năm uẩn tất cả cảnh, mà thật pháp tức trụ thuộc về niệm trụ. Tuy Khế kinh nói niệm từng lãnh thọ các việc khổ, vui v.v... là ghi nhớ việc khổ vui đời trước thọ lãnh các thứ, tức là pháp tạp duyên thuộc về niệm trụ.

Theo các nhà bình luận của Bà-sa thì nhớ đủ việc khổ vui ở đời quá khứ gọi là chịu khổ vui, không chỉ duyên thọ nên kia chẳng chứng, nhưng tức trụ tùy niệm trí, quán chung phần vị khác nhau đời trước chỉ là pháp tạp duyên thuộc niệm trụ, hai luận khác với luận này, vì ý đều khác nhau. Như trong thấy đạo tuy duyên chung đế mà đặc tu, cũng có bốn niệm trụ. Đây lẽ ra cũng vậy, đều y theo một nghĩa cũng không trái nhau. lậu tận như lực, hoặc pháp, hoặc bốn, lẽ ra bất định nói thuộc bốn

niệm trụ, trong sáu thông này cho đến tương ứng tuệ, là nói hai thông tánh vô ký, mặc dù năm thức chung ba tánh ba thọ, nhưng hai thông chỉ vô ký tương ứng xả thọ, vì bốn ý chỉ muốn chấp sắc v.v... Nếu vậy thì đâu nói y bốn Tĩnh lực, hai thức chỉ có hai địa, vì sao nói nương cả bốn căn bản Tĩnh lực địa? Đáp tùy căn nói nên cho đến nói nương bốn, y theo căn mà nói về bốn định, thức chỉ thuộc sơ định. Luận chép: Hoặc ở đây nương chung cho đến nương bốn địa, cách giải thích thứ hai, tánh của bốn thông còn lại đều là thiện, là nói trừ thiên nhãn thiên nhĩ, còn lại là bốn thiện tánh.

Nếu thế vì sao cho đến vì sao gọi là tuệ dẫn văn, là gạn hỏi, hoặc nói hai pháp đều có tánh vô ký, sao Phẩm Loại Túc nói thông là thiện tuệ? Đáp kia y theo số nhiều hoặc xét sự vượt hơn, Luận Chánh Lý chép: Sáu thông đều thuộc đạo giải thoát, hai thức nhãn nhĩ là đạo giải thoát vì lý bất thành, nên nói rằng trong bốn Tĩnh lực có định tương ứng tuệ thù thắng vô ký, năng dẫn tự địa vượt hơn quả đại chủng tuệ này hiện ra bèn dẫn thiên nhãn, thiên nhĩ của tự địa khiến cho hiện ra trước làm căn sở y phát ra nhãn thức, nhĩ thức nên tương ứng với hai thức nhãn và nhĩ tuệ chẳng thông, chỉ có thể nói là do thông dẫn. (Như trên là văn luận).

### **23. Nói về trí túc trụ tùy niệm:**

Nay y theo luận Bà-sa giải thích cả sáu thông. Luận Bà-sa quyền một trăm hỏi vì sao gọi là túc trụ tùy niệm trí, túc trụ tùy niệm trí nghĩa là gì? Đáp: quá khứ sinh năm uẩn hữu lậu gọi là Túc trụ, thế lực tùy niệm có thể biết kia gọi là túc trụ tùy niệm trí. Trong tụ này tuy có nhiều pháp mà niệm lực tăng nên nói tùy niệm, như bốn tánh niệm sinh trí lấy tuệ làm thế.

Niệm lực tăng gọi là bốn tánh niệm sinh trí, có khi hiện biết pháp tâm tâm sở của người, chẳng phải tha tâm trí, đó là như có một hoặc quán tướng. Hoặc nghe lời nói, hoặc được sinh xứ đắc trí như thế. Năng quán biết tha tâm tâm sở trong cõi người, có thấy tướng trí biết tâm kia, có khi nghe lời nói biết tâm người khác. Hoặc bói quẻ các ngoại đạo có nhiều loại chiêm bốc biết tâm người khác sinh xứ đắc trí, biết tha tâm nghĩa là địa ngục có việc kia thế nào? Và lại trong địa ngục cũng có sinh xứ đắc trí biết được tha tâm, nhưng không riêng hiện việc có thể nói, kia lúc nào biết tha tâm...? Đáp: ban đầu lúc mới sinh vào địa ngục chưa chia khổ, hoặc chịu khổ rồi còn không thể biết tự tâm sở niệm, huống chi biết được pháp tâm, tâm sở của người.

Trụ tâm nào biết tha tâm thiện, năng nhiếp ô, hoặc vô phú vô ký?

Đáp: ba thứ đều có thể biết, hỏi là trụ ý thức hay năm thức? Đáp: chỉ trụ ý thức. Trụ oai nghi lộ tâm, hay trụ tâm khéo léo hoặc trụ dị thực sinh tâm mà biết tha tâm v.v...? Đáp: chỉ trụ oai nghi lộ tâm, vì sao? Vì kia không hiện khởi công xảo xứ tâm còn dị thực sinh tâm kia chỉ năm thức có, quyển một trăm lẻ một chép: Bàn sinh thú cũng có sinh xứ đặc trí, biết được tha tâm, sơ trung hậu vị đều có thể biết. Ba thứ thiện nhiễm vô ký đều có thể biết, duy ý thức biết oai nghi công xảo dị thực sinh ba thứ đều có thể biết, vì cũng hiện khởi công xảo xứ tâm, dị thực kia sinh tâm, ý, thức cũng có, chẳng như địa ngục quyết định không thọ quả thiện dị thực, quỷ thú cũng có sinh xứ đặc trí biết tha tâm. Như bàn sinh nói bốn tánh niệm sinh trí hiện nhớ, biết việc túc trụ, chỉ có cõi người, trong bốn đường không có trí này.

Như Khế kinh nói Vô học ba minh, trở xuống một hàng tụng là thứ hai nói về ba minh. Tự tánh kia nêu ra thể của ba minh, lần lược thì túc trụ thông ghi nhớ việc khổ của tự tha đời trước. Tử sinh trí thông quán sát việc khổ của ta thân đời sau, do đây nhằm chán các khổ sinh tử. Khởi lậu tận thông quán vui Niết-bàn, nên chỉ có ba thứ lập riêng làm minh, vì có thắng dụng, túc trụ nhằm mé trước tử sinh nhằm mé sau, lậu tận ưa Niết-bàn. Lại nữa, túc trụ dẫn không môn giải thoát, tử sinh dẫn môn vô nguyện giải thoát, lậu tận dẫn vô môn tướng giải thoát. (Như trên là văn luận) trong sáu ba thứ cho đến trị trung tế ngu, là giải thích lý do trong sáu thông chỉ có ba được xếp vào minh và giải thích lý do được gọi là minh.

#### **24. Lý do gọi là Vô học:**

Ba thứ này đều gọi là cho đến phi Vô học, là nói về lý do gọi là Vô học, gồm nói về chân Vô học có phi nhân Vô học, trong đó, vô lậu này là pháp Vô học, tức là một phần lậu tận, nếu hữu lậu thì là pháp phi học, phi Vô học, tức là túc trụ, sinh tử trí sáng hoàn toàn một phần lậu tận. Trong thân Hữu học cho đến không gọi là Minh, là nói về nguyên nhân vì sao Hữu học túc trụ sánh tử hai thông không gọi là Minh. Khế kinh nói có ba thứ chỉ dẫn, trở xuống một hàng tụng, thứ ba là nói ba thứ chỉ bày, là tự tánh kia, là nêu ra thể. Chỉ có ba thứ này cho đến khiến phát tâm, là giải thích lý do chỉ có ba được lập thị đạo, năng chỉ bày năng dẫn dắt được gọi là dẫn đường, là giải thích tên gọi. Chữ “Thị” là tên khác của hiển thị giáo thị. Chữ “Đạo” là tên khác của giáo đạo dẫn đạo, duy có ba thứ này cho đến còn ba thứ khác thì không như vậy, là giải thích lại, thần biến làm cho Phật Pháp quy phục, tha tâm làm cho tin nhận, dạy bảo để tu hành, do ba thông này được gọi là thị đạo (dẫn



đường) đối với ba thị đạo cho đến chẳng quyết định hơn kém, như có chú thuật cho đến là quyết định, chỉ cho sự giải thích quyết định, theo ngài chân Đế thì có thiên nữ tên Kiên-đà-lê, Hán dịch là Trì Địa so sánh từ người sở thuyết mà được tên gọi.

Y-lợi-ni, theo Chân Đế là tên luận, là do sự ngoại đạo lộ hình soạn ra, Hán dịch là quán thời, chú thuật này từ đó lưu xuất ra luận làm tên gọi, vì tha tâm, thần túc có, nhưng chẳng phải thông cũng thành, chẳng quyết định thắng, giáo giới chỉ đường chỉ do lậu tận thông mà thành, là quyết định thắng. Hai dẫn dắt trước cho đến là trên hết chẳng phải loại khác, do hai thứ thị đạo ở trước không thể làm người khác quyết định phải dẫn đúng quả lợi ích và an vui, chẳng phải trên hết. Luận Bà-sa quyển một trăm lẻ ba hỏi: Nên vì người nào hiện việc thần biến? Đáp nếu người đối với Phật Pháp quyết định có lòng tin và người không tin thì không nên hiện. Hoặc người bất định nên vì họ hiện dẫn vào chánh pháp. Hoặc vì người không tin hiện nên nói điều này ít có. Ở thế gian có minh chú tên Kiên-đà-lê người nào khéo thọ trì cũng có thể thị hiện huyền hoặc như thế. Ai là người có trí hiện việc xấu này, tha tâm cũng thế. Có minh chú tên là Sát-ni-ca có người khéo thọ trì cũng biết tha tâm.

### **25. Giải thích rộng về thần cảnh:**

Hai thứ thần cảnh là từ nghĩa nào? Trở xuống hai hàng tụng là thứ tư giải thích rộng thần cảnh, Luận chép: cho đến. Gọi là cảnh, là nói về thể của thần và cảnh khác nhau, theo Chánh Lý thì Khế kinh nói thần quả gọi là Thần, ý là nêu thô để nói về tế. Lại hiển thắng đẳng trì, là nhân gần kia, nhưng thể của việc thần biến thật chẳng phải thần, ở đây rộng như trong giác phần ở trước, là nói các việc thần biến gọi là cảnh. Ở đây có hai thứ là hành và hóa chia cảnh làm hai, đó là hành và hóa, hành lại có ba thứ cho đến được gọi là ý thế, chia thành ba, ý thế là trên hết. Như lúc nêu ý duyên hành này cũng thế, nên gọi là ý thế, trong ba thứ này cho đến đồng thời dị sinh là nói cộng và bất cộng. Theo Luận Chánh Lý như mặt trời phát ra ánh sáng, uẩn lưu cũng thế, có thể đồn cho đến xa nên nói là hành. Hoặc cho là không đúng, đây lặn kia mọc, trung gian đã dứt, nghĩa hành lẽ ra không có. Hoặc oai thần Phật không thể nghĩ bàn, là nêu tâm không thể so lường, nên ý thế hành chỉ Thế Tôn có.

Luận Bà-sa quyển một trăm bốn mươi một có hai thuyết, luận này và Luận Chánh Lý đồng với thuyết sau, sợ rườm rà nên không dẫn ra. Hóa lại có hai thứ là cõi Dục và cõi Sắc, chia hóa thành hai là cõi Dục

hóa và cõi Sắc hóa.

### 26. Nói về hóa khác nhau:

Nếu cõi Dục hóa không có hương vị, là nói hai giới hóa có cảnh nhiều ít, hai giới hóa này cho đến cộng chung thành tám, là nói về hóa khác nhau. Tại cõi Dục thực hành cõi Dục hóa, cũng có hai thứ là thuộc tự thân và thuộc tha thân, thực hành cõi Sắc hóa, cũng có hai thứ, nghĩa là tự thân, tha thân hợp thành bốn. Ở cõi Sắc cũng có bốn nên thành tám, ở trên tự thân hóa là thuộc tự thân hóa. Nếu hóa ngoại nhân gọi là thuộc tha thân hóa. Nếu sinh ở cõi Sắc cho đến thành lỗi hương vị, nếu thế sinh ở cõi Sắc hóa có bốn thứ, có khi thuộc tự thân thực hành cõi Dục hóa, vì sao không có lỗi thành hương vị. Đây là hỏi tự thân hóa? Đáp như chiếc áo hoàn chỉnh nay không thành mặc dù sinh cõi Sắc nhưng có khi thuộc tự thân hóa như y nghiêm cụ không hợp với căn, giáo hóa mà không thành, y theo ý Đáp này thì ta thân hóa chắc chắn không thành tựu, trong tự thân hóa còn có cái không thành tựu.

Có thuyết nói ở cõi Sắc chỉ có hóa hai xứ là trả lời thứ hai, Luận Chánh Lý chép: Tuy sinh ở cõi Sắc thực hành hóa cõi Dục, mà cõi Vô Sắc thành lỗi hương vị, vì hóa thành tự thân chỉ có hai xứ. Có thuyết nói cũng tạo tác thành bốn như y... không thành. Luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi lăm có hai thuyết nhà bình luận nói như thế mặc dù hóa hương vị không có lỗi thành tựu, như người có y phục nghiêm cụ, hoa hương, tuy ở thân mà không thành tựu, y theo văn luận trên cho nên biết hoặc làm hóa nhân khiến cho lời nói và âm thanh chẳng chấp thọ đại chúng sở tạo cũng không thành tựu chỉ nương tự thân hóa thành câu hỏi đáp.

Có người hỏi khác cõi hóa sắc, xúc có thành tựu hay không? Đáp: đều thành tựu, như luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi hai trả lời có thành tựu cõi Dục cõi Sắc đại chúng hiện ra, hoặc sinh cõi Sắc thì cõi Dục hóa phát cõi Dục ngữ, có đại chúng thành tựu cõi Dục hệ cũng có sở tạo ở cõi Sắc hệ, đó là sinh cõi Dục được thiện tâm ở cõi Sắc. Hoặc sinh cõi Sắc thực hành hóa cõi Dục phát ngữ cõi Dục. Luận Bà-sa đã nói hoặc sinh cõi Sắc thực hành hóa cõi Dục phát ngữ, cõi Dục thành tựu đại chúng và sắc sở tạo ở cõi Dục. Văn không phân biệt nói biết hóa cõi khác hoặc hóa thân mình, hoặc hóa thân người, hai thứ sắc xúc, thấy đều thành tựu y theo nghĩa nên biết. Hoặc ngay nơi thân hóa liền thành tựu, hoặc lìa thân hóa thì không thành tựu. Luận Bà-sa nói thành tựu y theo ngay thân hóa, tuy có hai giải thích nhưng giải thích trước là hơn.

Luận Bà-sa nói như thế lìa thân sở hóa không phát hóa ngữ, ngữ

là lời nói chắc chắn do bốn đại chủng thô quan hệ nhau phát khởi. Nay xét hai giải thích, giải thích trước là sai, hoặc làm hóa nhân riêng có thành tựu thì không đúng lý. Các pháp hữu vi trụ đời hiện tại, có thành tựu được thì phải là hữu tình, nói biệt hóa nhân là pháp hữu tình, là không đúng lý, nên trụ đời hiện tại là hai cảnh sắc và xúc. Hoặc là hữu tình trụ vị tán tâm, không có phi chấp thọ các hóa nhân ngữ âm thanh, lẽ ra là chấp thọ đại chủng đã phát. Nhà bình luận của Bà-sa nói tự thân hóa như dụng cụ trang nghiêm còn không thành tựu hướng chi khác thân hóa mà thành tựu. Lấy đây chứng minh mà biết, giải thích trước là tốt, Bà-sa nương thân phát ra lời nói là hóa ra người thân chẳng hóa ra thân chủ.

### ***27. Nói về thông quả khác nhau:***

Luận chép: Việc hóa ra tức là thần thông, trở xuống bốn hàng tụng là thứ hai nói về thông quả khác nhau. Luận chép: cho đến có khác nhau, là nói quả có hai: Tâm năng hóa và sự sở hóa đây là nói về tâm năng hóa y địa khác nhau chia làm mười bốn trước nói sơ lược, sau nói rộng, ở đây nêu sơ lược. Nương sơ Tĩnh lực cho đến thế lực yếu, là giải thích rộng, nghĩa là Sơ thiên có hai, Nhị thiên có ba, Tam thiên có bốn, Tứ thiên có năm tổng cộng có mười bốn hó tâm. Tâm định ở địa trên sinh hóa của quả dưới, định tâm ở địa dưới không sinh quả cõi trên, định tâm địa dưới vì thế lực yếu kém, định thứ hai cũng được gọi là hơn kém. Như quả của định thứ hai, thứ ba, thứ tư, cõi Dục bình đẳng hóa tâm đối với sơ định, định thứ hai, định thứ ba v.v... quả địa trên hóa tâm hoặc dụng hệ địa làm luận. Cõi Dục bình đẳng hóa tâm yếu kém. Sơ thiên bình đẳng hóa tâm, hoặc dùng sở y và hành thì y hóa tâm địa trên địa dưới, thắng y hóa tâm địa dưới, địa trên. do nhị thiên ở cõi Dục hóa thù thắng hơn sơ thiên, sơ thiên hóa tuy là cõi Dục hệ nương thiên thứ hai. Từ cõi Dục hưởng thượng hành cho đến thiên thứ hai, vì người sơ thiên hóa nương sơ thiên, hưởng thượng hành chỉ cho đến sơ thiên.

### ***28. Nói về lúc chứng đắc:***

Như đắc Tĩnh lực cho đến đồng thời đắc, là nói về lúc đắc. Luận Chánh Lý chép: nhưng đắc Tĩnh lực gồm có ba thời vì lìa nhiễm thọ sinh, gia hạnh khác, đó là lúc lìa nhiễm cõi dưới đắc Tĩnh lực cõi trên cũng đắc định này dẫn quả hóa tâm. Từ địa trên lúc mất sinh cõi Sắc và do gia hạnh khởi công đức thù thắng, chỉ có mới đắc sở y Tĩnh lực, cũng gồm đắc sắc dẫn hóa tâm kia. Nương thân cõi Dục đắc quả A-la-hán và luyện căn vị lúc đắc ứng quả, mười bốn hóa tâm cùng lúc đều được, cho đến thân Tĩnh lực thứ tư đắc quả A-la-hán được năm hóa tâm. Luận

Bà-sa quyển một trăm hai mươi hai nói các việc biến hóa là đạo trước và quả hóa tâm, còn quyển một trăm ba mươi lăm thì hóa đúng lời nói có tâm hay vô tâm? Đáp: đương ngôn vô tâm. Nhưng hóa có hai thứ là tu đắc thuộc vô tâm, và sinh đắc thuộc hữu tâm, trong đây nói tu đắc hóa vì chẳng phải tâm nương, do cha mẹ sinh thân cũng đến Phạm Thế.

### **29. Nói về tâm xuất nhập:**

Từ các Tĩnh lự cho đến lại từ môn xuất, là nói về tâm xuất nhập, nên ở đây từ hai là từ định Tĩnh lự và hóa tâm sinh. Năng sinh ra hai là năng sinh hóa và tịnh định, các việc sở hóa cho đến khởi biểu tâm, là nói hai thứ hóa, hóa sự chỉ có tự địa tâm, tâm cõi Dục lại hóa các việc ở cõi Dục. Hoặc phát ra lời nói Sơ địa nhị địa, là tự địa hóa tâm ngữ, nhị thiên trở lên, là địa dưới hóa tâm ngữ, vì trở lên địa tâm không phát lời nói. Luận Chánh Lý chép: Hoặc sinh cõi Dục định thứ hai lúc hóa sự chuyển, vì sao khởi biểu phi oai nghi lộ, công xảo xứ tâm? Nương giới thân khác có thể hiện khởi, kia phải y chỉ tự giới thân, ở đây không có lỗi. Vì dẫn giới kia bao gồm đại chủng hiện ra làm sở y, nghĩa là dẫn đại chủng hiện ra ở cõi Sắc, thâm hợp với thân ở cõi Dục mà an trụ, nương đó khởi năng phát biểu tâm kia, không có định địa biểu tâm y lỗi tán địa thân, hoặc khởi y định phát ra biểu tâm, như nương định sinh thiên nhãn thức thiên nhĩ thức.

Luận chép: Nếu một hóa chủ cho đến các sở hóa cũng thế, là nói về hóa chủ, hóa nhân ngữ thâm đồng nhau, đây chỉ nói ngoài ra cũng chấp nhận có khác nhau, trình bày Phật khác các hóa ngữ, phát ra lời nói tâm khởi cho đến hóa lời nói như thế nào? Là nêu vấn đề. Luận chép: do nguyện lực trước cho đến cũng được phát ngữ là nói nguyện tâm lưu hóa khởi riêng ngữ tâm, khởi ngữ tâm từ hóa tâm dẫn nên cũng gọi là hóa tâm, như thế từ oai nghi sinh ý thức cũng gọi là tâm oai nghi, hoặc khác tánh nói là tâm thông quả, trong tâm thông quả có khi là tâm hóa sự, có khi là tâm phát ngữ, các dụng của hai tâm khác nhau, chắc chắn chẳng phải oai nghi, công xảo ở cõi Dục, do cõi Dục thông quả tâm, vì không sinh tâm oai nghi công xảo ở dục. Phạm vương tác ngữ ở cõi Dục là thông quả tâm, không chỉ hóa chủ cho đến ứng từ tôn thế, là nói lưu hóa cho đến sau khi qua đời. Chỉ có thể thật bền chắc cho đến không lưu nhục v.v... chỉ nói lưu bền thật, có Luận sư khác nói cho đến giữ gìn cho trụ lậu, là nói giải thích khác. Tập nghiệp ban đầu cho đến nhiều ít hóa sự, hay hóa dụng tâm nhiều ít. Luận Chánh Lý thì sơ tập nghiệp là do nhiều hóa tâm cần giúp sở y khởi một hóa sự. Tập nghiệp thành tựu tròn đầy do một hóa tâm, có thể không gá vào sở y khởi rất

nhiều hóa sự.

### **30. Nói về tu đắc hóa tâm:**

Thuật rằng: Sở y chẳng phải hóa vật, mười bốn nghĩa như thế cho đến thuộc nghĩa vô ký, là nói tu đắc hóa tâm chỉ là tánh vô ký, ngoài ra sinh đắc v.v... cho đến hóa chín, trừ âm thanh. Là nói sinh đắc khác tu đắc hóa, thật lý không có công năng cho đến cũng không có lỗi, là Luận chủ chánh giải thích, năm căn chỉ là dị thực, nuôi lớn không thông hóa, nói hóa chín xứ. Y theo không lia căn. Luận Chánh Lý chép: Sinh sở đắc trong cõi Dục hóa thành chín xứ. Cõi Sắc hóa bảy, y không lia căn nói hóa chín v.v... thật lý không năng hóa ra căn, y theo giải thích của hai luận, trong các luận nói hóa chín xứ y không lia căn, tu đắc nói hóa bốn xứ há không thể tự thân hóa không lia căn tà, vì sao không chấp nhận hóa chín xứ? Đáp: do sinh đắc hóa xen lẫn với y theo nên có thể hóa chín. Tu đắc hóa nương vào căn mà an trụ, vì không lẫn lộn nhau nên gọi hóa bốn. Lại Luận Chánh Lý chép: Tu quả vô tâm, ngoài ra hóa chấp nhận có, tu quả khởi biểu, do hóa chủ tâm còn cho tự tâm khởi thân, ngữ biểu tu quả ẩm thực hoặc làm tự thân, hẩn ở trong thân hóa chủ tiêu hóa, hoặc làm các việc khác như nuốt vàng, đá... hoặc ngay đó trụ trong thân hóa sự kia, hoặc tùy nghi đặt để chỗ khác. Ngoài ra hóa ẩm thực tùy trụ sở y tu quả hóa tâm chỉ tánh vô ký, còn có cả ba tánh, đó là thiện, ác và vô ký. Như trời rồng có thể biết hóa tâm, họ cũng có thể làm thân hóa mình và người.

### **31. Nói về thiên nhãn, thiên nhĩ:**

Thiên nhãn, thiên nhĩ làm nhân là nghĩa gì? Dưới đây một hàng tụng sau phần thứ năm nói về thiên nhãn, thiên nhĩ. Luận chép: cho đến gọi thiên nhãn thiên nhĩ là nêu ra thể dụng của thiên nhãn thiên nhĩ, nhãn nhĩ như vậy làm sao gọi là thiên, là hỏi lý do vì sao gọi là Thiên? Vì thể là thuộc thiên định địa, là tên của trời tự có thiên chẳng phải định địa, nhưng định địa, thì đều là thiên, cho nên thuộc định địa, vì vậy gọi là Thiên. Nhưng thiên nhãn, thiên nhĩ dường như thiên nhãn nhĩ có ba thứ trước có hai giải thích. Một, tai của trời gọi là thiên nhãn, thiên nhĩ, thuộc về y chủ thích, hoặc thiên tức nhãn, nhĩ là trì nghiệp thích. Thứ ba là Hữu tài thích, thật ra chẳng phải thiên nhãn thiên thiên nhĩ, hoàn toàn chấp tên thiên nhãn, nhĩ. Như tạng thần báu cho đến trung hữu v.v... là chỉ sự. Tu đắc nhãn nhĩ cho đến không che lấp không thiếu sót, là nói về tu đắc nhãn, nhĩ hằng là đồng phần vì có hai nghĩa: Một là hằng cùng thức đều được thấy, nghe; hai là vì vô nhậm không thiếu.

Như sinh cõi Sắc cho đến thiên nhãn thấy hết không sót, là nói lực

dụng, như sinh cõi Sắc sinh đắc thiên nhãn thấy chướng đắc sắc v.v... theo luận Bà-sa quyển một trăm tám mươi sáu thì thiên nhãn ở hai bên, phẩm loại hơn kém phải đồng, hỏi các cõi sinh đây mắt không thấy sắc thì họ nương pháp nào dẫn phát thiên nhãn? Đáp như có một đắc tự tánh niệm sinh trước, ngoài ra trong lúc sinh mắt đã có thấy sắc, họ nương theo đây nên dẫn phát thiên nhãn, thiên nhĩ cũng thế. Các cõi được đắc túc trụ tùy niệm trí, cũng có thể dẫn phát thiên nhãn, thiên nhĩ, vì sao trong đây không nói? Đáp nên nói mà không nói, phải biết nghĩa này có khác, hoặc thiên nhãn của người mù bẩm sinh, thiên nhĩ của người điếc bẩm sinh, đều có thể dẫn phát, trong đây nói. Túc trụ tùy niệm trí chỉ có thể dẫn phát loại thiên nhãn kia, do đó không nói vì sao? Vì những người điếc bẩm sinh không có túc trụ tùy niệm trí, phải nhờ người khác dạy trí này mới sinh, do đó không nói.

Pháp Uẩn Túc Luận nói đối với mắt thịt có khác, đại chúng sở tạo thiên nhãn thanh tịnh hiện ra ở cõi Sắc, do thiên nhãn này có thể thấy các sắc khác nhau trước sau phải trái trên dưới, vì vách đá v.v... chẳng thể làm chướng ngại, thiên nhãn này với tất cả đốn hiện thấy các sắc cảnh ở mười phương hay không? Có chỗ cho là thấy, có chỗ nói không thấy, nhưng có thể xoay mặt về một phương hướng tùy ý muốn thì có thể thấy, không cần xoay chuyển, nên nói thấy được mười phương. Trước nói hóa tâm tu ngoài ra đắc khác nhau, trở xuống hai hàng tụng là thứ sáu nói về năm thứ như thần cảnh v.v... cũng có tu đắc, dư đắc khác nhau, Luận chép: cho đến thuộc về nghiệp thành, là nêu thần cảnh có năm thứ khác nhau, tu đắc nhân định, sinh đắc tùy sinh kia thú đắc, nhân chú đắc, nhân được đắc. Nghiệp thành là Mạn-đà-đa vương và trung hữu v.v... Mạn-đà-đa Hán dịch là ngã dưỡng, chữ Đẳng là bình đẳng dư nghiệp thành. Tha tâm trí loại thêm chiêm tướng thành, là nói tha tâm có bốn, đó là tu đắc, sinh đắc chú thành đắc không có được thành, nghiệp thành, thêm xem tướng mà biết.

### **32. Nói rộng về ba tánh:**

Luận chép: Ba thứ còn lại đều có ba đó là tu, sinh, nghiệp; Thiên nhãn, Thiên nhĩ và túc trụ trí lực dụng có khác, do niệm đều khác nhau nên đây có đồng phần. Tướng nhân của các pháp không thể có tiêu chuẩn, chắc chắn, như hổ phách hút hạt cải, nam châm dẫn sắt tác dụng đều khác. Trừ tu sở đắc cho đến không được tên chung, là nói rộng ba tánh, chẳng phải tu đắc thông ba tánh gọi là sinh xứ, đắc, tự tánh niệm sinh trí v.v... Trong cõi người đều không sinh sở đắc, có tự tánh niệm sanh trí, các đường khác có sinh xứ đắc trí, không có tự



tánh niệm sinh trí. Tự tánh niệm sinh, do bốn tánh niệm tiền sinh việc, bốn tánh niệm sinh nghiệp đã thành sinh, tu không nào loạn chúng sinh nghiệp đặc. Trong địa ngục cho đến như thế nên biết, là nói các cõi sinh xứ đặc trí biết thời có khác, theo luận Bà-sa quyển một trăm lẻ một tạp giải thích tự tánh niệm sinh trí và sinh xứ đặc trí và sinh xứ đặc trí. Luận chép: Bốn tánh niệm sanh trí hiện ghi nhớ việc túc trụ, chỉ cõi người có, còn bốn cõi kia không có trí này. Sinh xứ đặc trí nhớ việc túc trụ, địa ngục... có, như Khế kinh nói địa ngục hữu tình nghe Sa-môn, Bà-la-môn nói tội lỗi của các dục sẽ dẫn đến các sự sợ hãi ở đời vị lai. Các ông nên dứt, chúng ta chỉ nghe mà không tin nhận, nay do dục kia chịu khổ cực hình này hỏi kia lúc nào nhớ? Đáp: Ban đầu sinh lúc chưa chịu khổ, hoặc chịu khổ rồi kể sự diệt trước còn không thể nhớ, huống chi việc đã diệt từ lâu, vô phú vô ký chỉ trụ oai nghi lộ, bàng sinh có sinh xứ đặc trí, nhớ việc túc trụ, ba thứ tâm. Như biết tha tâm nói.

Lời bình: Nên nói như vậy: Nhớ được nhiều đời như chó sói nhớ biết việc năm trăm đời. Quý thú sinh xứ đặc trí biết việc túc trụ, đồng thời như bàng sinh nói, có bài tụng tá thuở xưa gồm của cả châu báu. Do pháp hoặc phi pháp, người khác nay hưởng giàu vui, chỉ một mình ta chịu nghèo khổ. Trên cõi trời như bàng sinh nói, trong cõi người không có sinh xứ đặc trí ghi nhớ việc túc trụ, vì chẳng phải điền khí, bị bốn tánh niệm sinh trí v.v... che đậy, là túc trụ tùy niệm chung và nguyện trí bị che lấp. Bốn tánh niệm sinh trí nêu ra thể giải thích tên gọi, ra đời lấy tuệ làm tự tánh, giải thích tên gọi, sinh là các pháp hữu lậu đời trước, trí nghĩa là đời này biết được trí kia, niệm là trí này câu sinh thẳng niệm. Nói bốn tánh là phân biệt khác tu đặc, tức bốn tánh trí do năng lực thẳng niệm, biết quá khứ sinh các pháp hữu lậu, gọi là bốn tánh niệm sinh trí.

Lại nữa, bốn tánh là pháp đời trước, là quá khứ sinh pháp tánh hữu lậu, trí do niệm lực biết bốn tánh sinh, nên gọi là bốn tánh niệm sinh trí. Không giải thích ngược lại, vì là tu đặc. Thể tuy là tuệ, gọi là niệm như giải thích niệm xứ, cái gì là xứ hữu, chỉ cõi người có, vì sao? Chỉ loài người trong cõi Dục có công năng tạo nghiệp cao quý, vì dẫn đặc trí này, lại trong cõi người trí tuệ mạnh mẽ cao quý hơn các cõi khác, nhờ nghiệp gì mà được? Văn bình phẩm rằng: Nên nói như vậy: Hoặc các hữu tình không tạo nghiệp nào hại người khác, chỉ làm việc lợi ích cho họ. Vì nghiệp này trong thai mẹ không bị bệnh gió, nóng lạnh bức não, sau khi ra thai không bị khổ não, do vậy có thể nhớ các việc túc trụ, có thể nhớ bao nhiêu đời, dẫn một bài kệ để làm chứng.



Có thuyết nói nhớ bảy đời, dẫn hai Tỳ-kheo làm chứng, có khi nhớ năm trăm đời, có khi nhớ kiếp thành, hoại. Dẫn việc vui tìm vợ cho con làm chứng. Hỏi Bồ-tát nhớ chín mươi một kiếp, một thuyết nói túc trụ trí, một thuyết nói tự tánh niệm sinh trí, hai thuyết không có lời bình. Hỏi bốn tánh niệm sinh trí có nhớ biết trung hữu không?

Lời bình: Nên nói rằng: Cũng có thể nhớ biết việc của trung hữu vì sao? Hoặc không nhớ biết trí này, biết cảnh thành lẫn lộn, nghĩa là có thể biết ít phần, còn lại không biết.

